

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI XE THƯƠNG MẠI TASCO

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI XE THƯƠNG MẠI TASCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TASCO COMMERCIAL VEHICLE DISTRIBUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TASCO COMMERCIAL VEHICLE

2. Mã số doanh nghiệp: 0110663828

3. Ngày thành lập: 27/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 9, Toà nhà Tasco, Lô HH2-2 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966 117 080

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511(Chính)
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
7.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
8.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
10.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	4610
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Trừ các loại nông, lâm sản và động vật sống Nhà nước cấm	4620
12.	Bán buôn thực phẩm	4632

13.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn đồ uống có cồn	4633
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.	4659
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	8299
21.	Giáo dục nhà trẻ	8511
22.	Giáo dục mẫu giáo	8512
23.	Đào tạo sơ cấp	8531
24.	Đào tạo trung cấp	8532
25.	Đào tạo cao đẳng	8533
26.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
27.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
28.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
30.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622

31.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
32.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản; - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62, Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
33.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Không bao gồm tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật	7020
34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy - Thiết kế kiến trúc công trình (Theo Điểm a, Khoản 2 Điều 19 Luật Kiến trúc năm 2019); - Thiết kế kiến trúc cảnh quan (Theo Điểm c, Khoản 2 Điều 19 Luật Kiến trúc năm 2019); - Giám sát công tác xây dựng (Khoản 9 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Thi công xây dựng công trình (Khoản 32 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình (Khoản 9 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Giám sát thi công xây dựng công trình (Khoản 20 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. (Khoản 20 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP)	7110
35.	Quảng cáo	7310
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710
37.	Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh)	4690
38.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
39.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920

40.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
41.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
42.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
43.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
45.	Bưu chính	5310
46.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.	5510
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
48.	Đại lý du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.	7911
49.	Điều hành tua du lịch	7912
50.	Xây dựng nhà để ở	4101
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102

6. Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH TASCO AUTO	Tầng 20, Tòa nhà Tasco, Lô HH 2- 2, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.450.0 00	24.500.000.000	70,000	0109793371	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.450.0 00	24.500.000.000	70,000		
2	PHẠM VĂN DŨNG	Tổ 25, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	20,000	0010700229 90	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	20,000		

3	NGUYỄN HẢI HÀ	Căn A08 tầng 14, Chung cư Westa, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	350.000	3.500.000.000	10,000	001082035727
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	350.000	3.500.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 24/10/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001070022990

Ngày cấp: 10/03/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 25, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 25, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội